

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Thảo và ông Nguyễn Thanh Hải.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 265/2026/TLST-HNGĐ
ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Mỹ T**, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 087190003813, cấp ngày 03/01/2022.

Đăng ký thường trú: **Số C, Rạch Cao M, khu phố T, phường S, tỉnh Đồng Tháp.**

Nơi ở hiện nay: **Số B, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn N**, sinh năm 1989.

Số căn cước công dân: 087089002756, cấp ngày 22/12/2021.

Địa chỉ: **Số C, Rạch C, khu phố T, phường S, tỉnh Đồng Tháp.**

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Võ Thị Mỹ T** và anh **Trương Văn N**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị **Võ Thị Mỹ T** và anh **Trương Văn N** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Có 02 con chung, chị **T** và anh **N** thỏa thuận:

2.2.1. Chị **Võ Thị Mỹ T** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Trương Nhật Q**, sinh ngày 08/12/2021; hiện con đang sống chung với chị **T**.

2.2.2. Anh **Trương Văn N** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Trương Nhật P**, sinh ngày 09/01/2012; hiện con đang sống chung với anh **N**.

2.2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** và anh **N** không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.2.4. Sau khi ly hôn, chị **T** và anh **N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con; không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2.5. Về án phí:

Chị **Võ Thị Mỹ T** và anh **Trương Văn N**, mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Chị **T** tự nguyện nộp thay án phí cho anh **N**. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị **T** đã nộp theo biên lai số 0001245 ngày 20/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 - Đồng Tháp thu) được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 của Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Anh

